

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 32
8. Phụ lục	33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 10 năm 2006 và lần thứ 04 ngày 30 tháng 6 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 8 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 18 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi tỷ lệ góp vốn của cổ đông.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Ông Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại : (84-76) 3834060
Fax : (84-76) 3834054
E-mail : namviettagg@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 1600168736

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Từ tháng 8 năm 2010, Công ty bắt đầu ngưng sản xuất chế biến thủy sản. Hoạt động chủ yếu của Công ty hiện nay là sản xuất bao bì, nhãn và mua nguyên liệu cá giao cho Công ty TNHH Ấn Độ Dương gia công để xuất khẩu thành phẩm.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay có lãi chủ yếu là do lợi nhuận từ hoạt động tài chính.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết họp đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22 tháng 4 năm 2010 như sau: chia cổ tức 32.802.625.000 VNĐ.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Thành Bửu	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Quốc Xã	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Quang Khôi	Trưởng ban	20 tháng 9 năm 2009	-
Hà Anh Tú	Thành viên	20 tháng 4 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

37448-C
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 4 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0376/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

**Kính gửi: QUÝ CÒ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần Nam Việt gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2011, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của Công ty năm 2009 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 4 năm 2010 có ý kiến dạng chấp nhận toàn bộ.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.341.127.556.246	1.474.711.761.650
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.543.874.576	182.150.410.080
1. Tiền	111		17.562.854.576	28.751.960.080
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.981.020.000	153.398.450.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		128.966.244.506	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	128.966.244.506	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		919.205.589.849	1.101.846.500.354
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	495.455.760.552	636.372.921.174
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	5.465.497.849	24.313.104.154
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	472.971.414.288	473.308.532.826
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(54.687.082.840)	(32.148.057.800)
IV. Hàng tồn kho	140		211.633.544.645	184.967.269.369
1. Hàng tồn kho	141	V.7	217.090.050.158	205.135.252.043
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(5.456.505.513)	(20.167.982.674)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.778.302.670	5.747.581.847
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.617.781.540	3.484.939.942
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	6.160.521.130	2.262.641.905

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		560.972.844.914	571.836.049.062
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		177.031.332.030	200.131.069.222
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	68.953.240.219	95.550.184.681
<i>Nguyên giá</i>	222		233.479.319.558	232.719.227.814
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(164.526.079.339)	(137.169.043.133)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	16.196.229.384	16.216.081.624
<i>Nguyên giá</i>	228		16.359.258.822	16.359.258.822
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(163.029.438)	(143.177.198)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	91.881.862.427	88.364.802.917
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		383.513.754.400	351.836.806.816
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	128.000.000.000	108.246.286.816
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	31.900.000.000	17.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	233.400.000.000	233.410.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(9.786.245.600)	(7.219.480.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		427.758.484	19.868.173.024
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	427.758.484	668.173.024
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	19.200.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.902.100.401.160	2.046.547.810.712

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		558.012.174.560	671.827.222.184
I. Nợ ngắn hạn	310		555.873.382.138	668.486.356.365
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	226.996.080.000	481.195.972.664
2. Phải trả người bán	312	V.19	280.201.740.616	139.956.873.836
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	23.965.339.074	12.492.864.319
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	4.124.487.640	5.397.935.467
5. Phải trả người lao động	315	V.22	1.117.175.687	4.030.168.110
6. Chi phí phải trả	316		493.639.348	3.582.939.497
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	5.630.194.398	7.355.901.852
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	13.344.725.375	14.473.700.620
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.138.792.422	3.340.865.819
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	2.138.792.422	3.340.865.819
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.344.088.226.600	1.374.720.588.528
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.344.088.226.600	1.374.720.588.528
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	99.540.397.348	130.172.759.276
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.902.100.401.160	2.046.547.810.712

48-C.T.1
TỶ
LIÊN HỢP
H VÀ
N
CHỈ MÃ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		2.598.204.737	2.598.204.737
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14.264.181.471	14.264.181.471
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		757.475,28	1.428.618,23
Euro (EUR)		1.669,64	637,35
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2011


Trần Thị Quý
Người lập biểu
Dương Minh Phong
Kế toán trưởng
Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.340.684.975.502	1.754.464.022.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	10.299.781.432	26.657.769.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.330.385.194.070	1.727.806.252.157
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1.224.844.652.662	1.891.391.108.082
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.540.541.408	(163.584.855.925)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	97.577.750.431	118.943.600.725
7. Chi phí tài chính	22	VL4	37.573.026.204	34.908.918.008
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.009.876.047	36.888.325.158
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	120.175.103.860	121.249.821.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	45.006.230.837	57.727.697.212
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		363.930.938	(258.527.691.511)
11. Thu nhập khác	31	VL7	3.288.867.109	3.785.703.240
12. Chi phí khác	32	VL8	1.242.120.435	1.288.186.610
13. Lợi nhuận khác	40		2.046.746.674	2.497.516.630
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.410.677.612	(256.030.174.881)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	5.811.249.699
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	240.414.540	875.310.397
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.170.263.072</u>	<u>(262.716.734.977)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	-	-

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2011


Trần Thị Quý
Người lập biểu


Dương Minh Phong
Kế toán trưởng


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.410.677.612	(256.030.174.881)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	28.830.053.719	27.951.248.841
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.16	10.394.313.479	38.678.385.878
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(8.010.797.471)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7 VI.8	(21.861.712.217)	(42.892.470.720)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	29.009.876.047	36.888.325.158
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.772.411.169	(195.404.685.724)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		165.687.292.547	537.513.575.255
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.954.798.115)	(44.527.495.406)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		143.357.887.943	90.391.264.198
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(28.516.236.699)	(36.888.325.158)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(7.408.233.758)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		19.200.000.000	4.200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.24	(1.128.975.245)	(1.935.064.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		327.417.581.600	345.941.034.625
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12, VII	(6.274.834.391)	(36.900.110.915)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	934.603.559	1.433.251.207
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(304.292.233.882)	(435.658.001.900)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		175.335.989.376	478.962.709.700
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13, V.14	(34.253.713.184)	(84.670.968.050)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	65.780.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	17.863.360.046	42.474.704.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(150.686.828.476)	31.422.084.575

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.081.818.219.088	1.955.280.718.200
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.336.018.111.752)	(2.227.314.370.200)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(35.211.675.500)	(12.144.048.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(289.411.568.164)	(284.177.700.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(112.680.815.040)	93.185.418.400
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	182.150.410.080	88.964.991.680
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		74.279.536	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	69.543.874.576	182.150.410.080

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2011



Trần Thị Quý
Người lập biểu



Dương Minh Phong
Kế toán trưởng



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

3474
NG T
HIỆM H
A TOÁ
J VẢ
P HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	846.787.753	2.193.993.318
Tiền gửi ngân hàng	16.716.066.823	26.557.966.762
Các khoản tương đương tiền (*)	51.981.020.000	153.398.450.000
Cộng	69.543.874.576	182.150.410.080

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang (*)	50.000.000.000	-
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	48.984.102.291	-
Cho Công ty TNHH Cromit Nam Việt vay	29.982.142.215	-
Cộng	128.966.244.506	-

(*) Kỳ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nước ngoài	275.267.926.956	300.756.023.712
Các khách hàng trong nước	220.187.833.596	335.616.897.462
Cộng	495.455.760.552	636.372.921.174

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	16.964.000.000
Các nhà cung cấp trong nước	5.465.497.849	7.349.104.154
Cộng	5.465.497.849	24.313.104.154

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho nhân viên vay	1.760.046.294	3.761.769.026
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu chờ hoàn	44.505.600	932.686.857
Lãi cho vay, kỳ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	8.655.309.324	4.975.699.354
Chi hộ cho Công ty cổ phần Ba Long cước vận chuyển	2.566.183.020	4.381.243.339
Tiền, vật tư cho mượn	459.272.782.379	458.362.608.066
Các khoản phải thu khác	672.587.671	894.526.184
Cộng	472.971.414.288	473.308.532.826

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	11.761.870.631	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	116.941.466	24.391.690.771
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	37.611.011.885	7.756.367.029
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	5.197.258.858	-
Cộng	54.687.082.840	32.148.057.800

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	32.148.057.800
Trích lập dự phòng bổ sung	22.539.025.040
Số cuối năm	54.687.082.840

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.404.281.278	12.032.211.017
Công cụ, dụng cụ	848.412.494	1.324.623.606
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.672.474.360	11.712.281.737
Thành phẩm	185.448.359.067	165.173.593.354
Hàng gửi đi bán	13.716.522.959	14.892.542.329
Cộng	217.090.050.158	205.135.252.043

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.167.982.674
Hoàn nhập dự phòng	(14.711.477.161)
Số cuối năm	5.456.505.513

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.717.966.047	129.477.457.233	15.331.643.381	7.192.161.153	232.719.227.814
Mua sắm mới	-	2.530.295.400	-	298.822.975	2.829.118.375
Thanh lý, nhượng bán	-	(846.029.982)	(1.222.996.649)	-	(2.069.026.631)
Số cuối năm	80.717.966.047	131.161.722.651	14.108.646.732	7.490.984.128	233.479.319.558
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.361.454.108	21.651.163.756	1.586.600.918	2.225.574.782	29.824.793.564
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	47.129.620.710	76.837.289.806	8.781.138.699	4.420.993.918	137.169.043.133
Khấu hao trong năm	7.056.116.123	18.034.361.854	2.477.826.273	1.241.897.229	28.810.201.479
Thanh lý, nhượng bán	-	(846.029.982)	(607.135.291)	-	(1.453.165.273)
Số cuối năm	54.185.736.833	94.025.621.678	10.651.829.681	5.662.891.147	164.526.079.339
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	33.588.345.337	52.640.167.427	6.550.504.682	2.771.167.235	95.550.184.681
Số cuối năm	26.532.229.214	37.136.100.973	3.456.817.051	1.828.092.981	68.953.240.219
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.183.967.822	175.291.000	16.359.258.822
Số cuối năm	16.183.967.822	175.291.000	16.359.258.822
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.538.500	133.538.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	143.177.198	143.177.198
Khấu hao trong năm	-	19.852.240	19.852.240
Số cuối năm	-	163.029.438	163.029.438
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.183.967.822	32.113.802	16.216.081.624
Số cuối năm	16.183.967.822	12.261.562	16.196.229.384
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Dự án nuôi trồng côn Bà Hòa	69.853.532.589	371.496.081	-	-	70.225.028.670
Đất khu bệnh xá công an	16.112.600.000	3.167.400.000	-	-	19.280.000.000
Nồi hơi	328.020.000	-	-	-	328.020.000
Bể xử lý nước thải	1.456.210.000	-	-	-	1.456.210.000
Chi phí khác	614.440.328	57.200.000	(25.000.000)	(54.036.571)	592.603.757
Cộng	88.364.802.917	3.596.096.081	(25.000.000)	(54.036.571)	91.881.862.427

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Ân Độ Dương ^(a)	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt ^(b)	92.000.000.000	72.246.286.816
Cộng	128.000.000.000	108.246.286.816

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Ân Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2801172029 ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Cromit Nam Việt 92.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 19.753.713.184 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 435.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 14.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.190.000 cổ phiếu, tương đương 1,59% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem (số đầu năm là 1.740.000 cổ phiếu, tương đương 1,74% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 403.100.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	-	-	10.000.000
Trái phiếu chính phủ	-	-	-	10.000.000
Đầu tư khác		45.200.000.000		45.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	2.000.000	20.200.000.000	2.000.000	20.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng		233.400.000.000		233.410.000.000

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	7.219.480.000
Trích lập dự phòng bổ sung	2.566.765.600
Số cuối năm	9.786.245.600

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	668.173.024
Số hoãn nhập	(240.414.540)
Số cuối năm	427.758.484

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	216.996.080.000	232.500.000.000
Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	20.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	35.596.080.000	93.300.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	-	71.000.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(b)	119.300.000.000	48.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(c)	62.100.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	10.000.000.000	241.358.840.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam ^(d)	10.000.000.000	70.000.000.000
Công ty tài chính cổ phần xi măng	-	149.500.000.000
Công ty liên doanh thủy sản Biển Đông	-	4.800.000.000
Ông Doãn Tới	-	17.058.840.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	7.337.132.664
Cộng	226.996.080.000	481.195.972.664

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của công ty TNHH Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt của Ông Doãn Chí Thanh sở hữu.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương và kỳ phiếu của ngân hàng trị giá 5.000.000.000 VNĐ.
- (d) Khoản vay Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	232.500.000.000	804.826.769.488	(820.330.689.488)	216.996.080.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	241.358.840.000	276.991.449.600	(508.350.289.600)	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.337.132.664	-	(7.337.132.664)	-
Cộng	481.195.972.664	1.081.818.219.088	(1.336.018.111.752)	226.996.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	135.679.740	126.033.998
Các nhà cung cấp trong nước	50.870.907.880	114.123.084.251
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	229.195.152.996	25.707.755.587
Cộng	280.201.740.616	139.956.873.836

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	12.459.842.064	5.432.934.706
Các khách hàng trong nước	11.505.497.010	7.059.929.613
Cộng	23.965.339.074	12.492.864.319

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	437.454.821	(437.454.821)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.346.852.875	(3.346.852.875)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.424.051.582	(287.840.057)	(1.062.069.323)	74.142.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	-	-	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	-	337.736.491	(261.274.938)	76.461.553
Thuế tài nguyên	-	6.859.276	(6.859.276)	-
Thuế nhà đất	-	162.499.946	(162.499.946)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	5.397.935.467	4.006.563.352	(5.280.011.179)	4.124.487.640

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	5%
- Mỡ cá, thuê nhà	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

(*) Trong năm, Công ty đã điều chỉnh giảm số thuế phải nộp của các năm trước do xác định không còn phải nộp, nên số phải nộp phát sinh số âm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CNUB ngày 16 tháng 8 năm 2004 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp và Công văn số 2657/CT.TTr2 ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Cục thuế tỉnh An Giang, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ năm 2005. Ngoài ra Công ty còn được ưu đãi bổ sung như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Được giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được khi xuất khẩu ra thị trường quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.
- Được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính đối với nhà đầu tư có doanh thu xuất khẩu năm nay cao hơn năm trước.
- Được giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính khi có doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu và duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hóa xuất khẩu trong 3 năm liên tục trước đó.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.410.677.612	(256.030.174.881)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.131.060.012	5.275.564.446
- Các khoản điều chỉnh giảm	(16.483.467.379)	(21.819.286.822)
Thu nhập chịu thuế	(11.941.729.755)	(272.573.897.257)
Lỗ các năm trước được chuyển	(272.573.897.257)	-
Thu nhập tính thuế	(284.515.627.012)	(272.573.897.257)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 13 và tiền thưởng thâm niên còn phải trả nhân viên.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	299.699.374	416.834.686
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	3.651.566.206	2.790.826.771
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	541.307.900	2.950.358.400
Các khoản phải trả khác	1.137.620.918	1.197.881.995
Cộng	5.630.194.398	7.355.901.852

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	14.473.700.620
Chi quỹ	(1.128.975.245)
Số cuối năm	13.344.725.375

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	3.340.865.819
Số đã chi	(1.202.073.397)
Số cuối năm	2.138.792.422

26. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 33.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	35.211.675.500
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	35.211.675.500

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.340.684.975.502	1.754.464.022.112
- Doanh thu bán hàng hóa	9.479.985.155	297.796.440.998
- Doanh thu bán thành phẩm	1.331.204.990.347	1.456.667.581.114
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.299.781.432)	(26.657.769.955)
- Giảm giá hàng bán	(4.789.610.646)	(8.397.404.324)
- Hàng bán bị trả lại	(5.510.170.786)	(18.260.365.631)
Doanh thu thuần	1.330.385.194.070	1.727.806.252.157
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	9.479.985.155	288.476.600.961
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.320.905.208.915	1.439.329.651.196

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	12.737.968.656	306.633.157.381
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	1.226.818.161.167	1.573.662.740.555
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.711.477.161)	11.095.210.146
Cộng	1.224.844.652.662	1.891.391.108.082

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	956.406.905.528	1.166.446.913.038
Chi nhân công trực tiếp	23.393.558.694	32.141.420.903
Chi phí sản xuất chung	263.985.348.711	441.349.802.285
Tổng chi phí sản xuất	1.243.785.812.933	1.639.938.136.226
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.039.807.377	(11.637.703.034)
Tổng giá thành sản xuất	1.247.825.620.310	1.628.300.433.192
Chênh lệch tồn kho thành phẩm và hàng gửi bán	(21.033.746.343)	(56.077.547.898)
Nhập khác	26.287.200	1.439.855.261
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.226.818.161.167	1.573.662.740.555

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	10.913.010.075	6.706.169.745
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	697.498.514	394.836.802
Lãi tiền cho vay	3.697.659.941	24.759.741.296
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	7.400.000	937.944.391
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.924.900.000	10.070.849.101
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.010.797.471	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.326.484.430	76.074.059.390
Cộng	97.577.750.431	118.943.600.725

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.009.876.047	36.888.325.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.996.384.557	2.040.392.850
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.566.765.600	(4.019.800.000)
Cộng	37.573.026.204	34.908.918.008

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	107.775.334	232.883.080
Chi phí nhân công	3.357.703.504	2.076.564.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.983.162.546	43.553.125
Chi phí hoa hồng	5.017.539.567	7.294.829.491
Chi phí vận chuyển	80.217.769.123	85.328.737.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.721.111.906	20.570.638.476
Chi phí khác	2.770.041.880	5.702.614.808
Cộng	120.175.103.860	121.249.821.091

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.208.503.513	852.971.818
Chi phí nhân công	8.075.135.329	12.377.955.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.061.470.825	5.080.109.162
Thuế, phí và lệ phí	1.390.699.684	1.581.475.849
Chi phí dự phòng	22.539.025.040	31.602.975.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.363.725.884	3.002.221.172
Chi phí khác	5.367.670.562	3.229.988.266
Cộng	45.006.230.837	57.727.697.212

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	934.603.559	1.433.251.207
Thu nhập khác	2.354.263.550	2.352.452.033
Cộng	3.288.867.109	3.785.703.240

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	615.861.358	1.161.713.655
Chi phí khác	626.259.077	126.472.955
Cộng	1.242.120.435	1.288.186.610

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	975.875.063.732	1.192.433.568.851
Chi phí nhân công	43.340.879.295	56.010.414.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.830.053.719	23.348.826.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.089.076.663	498.933.459.979
Chi phí khác	37.832.074.221	48.189.384.401
Cộng	1.408.967.147.630	1.818.915.654.529

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 1.235.182.394 VND (số năm trước là 1.163.838.900 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Vay	23.065.000.000	20.563.000.000
Thanh toán tiền vay	(40.123.840.000)	(13.504.160.000)
Cho vay	-	200.000.000
Lãi cho vay	66.800.745	533.333

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	522.641.552	455.840.807
Cộng nợ phải thu	522.641.552	455.840.807
Hội đồng quản trị	-	17.058.840.000
Cộng nợ phải trả	-	17.058.840.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	440.619.502	663.838.865
Phụ cấp	197.404.000	-
Cộng	638.023.502	663.838.865

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	32.138.208.500	162.247.056.460
Cho thuê máy	-	20.941.740
Lãi cho vay	2.294.457.382	242.681.281
Cho vay	105.567.091.667	57.930.000.000
Chi hộ	14.204.000	292.368.850
Cho mượn nguyên liệu	19.111.400	62.717.560
Chi phí gia công	13.481.807.000	60.450.627.855
Mua sản phẩm	5.986.891.373	26.426.120.181
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	1.752.382.393	1.250.027.427
Thu hộ	36.482.920.193	23.253.961.377
Mua tài sản	56.761.902	1.417.669.333
Công ty TNHH Ấn Độ Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	46.831.118.150	28.818.614.534
Bán nguyên vật liệu	17.820.000	-
Lãi cho vay	561.689.502	23.299.721.921
Cho vay	118.743.000.000	377.728.001.900
Chi hộ	1.296.048.003	527.686.177
Cho mượn nguyên vật liệu	-	1.494.204.500
Chi phí gia công	236.386.831.131	307.946.622.500
Mua sản phẩm	6.338.774.637	292.460.672.441
Mua khác	26.518.110	-
Mượn nguyên vật liệu	-	909.656.400
Nhận tiền vay	109.016.449.600	-
Chi phí lãi vay	399.684.021	-
Công ty TNHH Thanh Thiên		
Bán thành phẩm	-	4.906.495.959
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Bán tài sản	278.405.796	90.105.473
Cho mượn vật tư	18.794.000	-
Chi hộ	674.832.951	440.499.358
Lãi cho vay	516.009.733	-
Cho vay	29.982.142.215	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	160.489.513.655	264.509.804.307
Cho vay	48.984.102.291	-
Công ty TNHH Ấn Độ Dương		
Phải thu tiền bán hàng	2.299.716	-
Cho mượn tiền	450.000.000.000	450.000.000.000
Phải thu khác	4.881.114.848	4.876.858.708

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	940.166.129	99.116.020
Cho vay	29.982.142.215	-
Phải thu khác	1.346.417.531	440.499.358
Cộng nợ phải thu	696.625.756.385	719.926.278.393
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.563.562	229.678.185
Công ty TNHH Ấn Độ Dương		
Phải trả tiền hàng	228.965.746.811	25.478.077.402
Công ty cổ phần Cromit Nam Việt		
Phải trả khác	572.727	-
Cộng nợ phải trả	229.195.883.100	25.707.755.587

Ngoài ra, Công ty TNHH Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	1.086.098.767.302	1.390.796.681.706
Trong nước	244.286.426.768	337.009.570.451
Cộng	1.330.385.194.070	1.727.806.252.157

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	371.172.120	371.172.120
Trên 01 năm đến 05 năm	618.281.230	989.453.350
Trên 05 năm	-	-
Cộng	<u>989.453.350</u>	<u>1.360.625.470</u>

Công ty thuê một số máy móc thiết bị dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2006 đến năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê cố định cho đến hết thời hạn thuê.

5. Những thông tin khác

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh lại khoản thuế hoãn lại đã ghi nhận trong năm trước do chưa có đủ cơ sở chắc chắn để ghi nhận.

Ngoài ra, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm nay.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại số liệu như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Phải thu khách hàng	131	371.004.138.283	636.372.921.174	265.368.782.891
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	721.040.540.957	-	(721.040.540.957)
Các khoản phải thu khác	135	17.636.774.760	473.308.532.826	455.671.758.066
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	55.201.276.624	668.173.024	(54.533.103.600)
Phải trả người bán	312	114.249.118.249	139.956.873.836	(25.707.755.587)
Phải trả nội bộ	317	25.707.755.587	-	25.707.755.587
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	184.705.862.876	130.172.759.276	(54.533.103.600)
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(53.657.793.203)	875.310.397	54.533.103.600
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(317.249.838.577)	(262.716.734.977)	54.533.103.600

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Dương Minh Phong
Kế toán trưởng

Doãn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	392.889.494.253	1.637.437.323.505
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(262.716.734.977)	(262.716.734.977)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	130.172.759.276	1.374.720.588.528
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	130.172.759.276	1.374.720.588.528
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.170.263.072	2.170.263.072
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(32.802.625.000)	(32.802.625.000)
Số dư cuối năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	99.540.397.348	1.344.088.226.600

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2011



Trần Thị Quý
Người lập biểu



Dương Minh Phong
Kế toán trưởng



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc